TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 8 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đăng Thảnh

Bà Hà Thị Hoà

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị H; sinh năm: 1992; HKTT: Làng M, xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn H1; sinh năm: 1985; HKTT: Làng M, xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Làng M, xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị H, anh H1. Chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn H1 kết hôn tự nguyện, đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ tháng 10/2009, nhưng mãi đến ngày 08/02/2010 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được khoảng 12 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải

nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 04/2024 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 23/6/2010 và cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 24/10/2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến tháng 06/2024, các cháu ở với anh H1, chị H vẫn gửi tiền về cho anh H1 nuôi con. Nếu ly hôn, chị giao cả hai cháu cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu hằng tháng là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 07/2024 cho đến khi các cháu thành niên.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Văn H1 để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng anh H1 không có mặt nên không có lời khai của anh H1 và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh H1 không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Phạm Văn H1. Giao cháu Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 23/6/2010 và cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 24/10/2012 cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu hằng tháng là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 07/2024 cho đến khi các cháu thành niên. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Phạm Văn H1, nơi cư trú tại Làng M, xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh H1 không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H1 theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh H1 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh H1 đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị Lê Thị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Văn H1 lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh H1 vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị H, anh H1.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Phạm Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/02/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 04/2024 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Về phía anh H1, biết chị H làm đơn xin ly hôn và Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh H1 lên làm việc để anh H1 được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh H1 đều không có mặt, thể hiện anh H1 không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị H, anh H1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh H1.

[3] Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung. Xét thấy, hiện tại các cháu đang ở với anh H1. Cả hai cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, cũng như theo nguyện vọng của các cháu. Chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cả hai cháu cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến tháng 06/2024, các cháu ở với anh H1, chị H vẫn gửi tiền về cho anh H1 nuôi con. Xét thấy mức đề nghị và thời gian cấp dưỡng của chị H là phù hợp. Buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu hằng tháng là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 07/2024 cho đến khi các cháu thành niên.

[4] Về tài sản: Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Phạm Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 23/6/2010 và cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 24/10/2012 cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu hằng tháng là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 07/2024 cho đến khi các cháu thành niên.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số 0004322 ngày 10/5/2024. Chị H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm. Chị H, anh H1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Đồng Thịnh;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thịnh